

Số: 30 /TCKH

Ba Đình, ngày 19 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện thu Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân quận Ba Đình

Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố; Quỹ PCTT thành phố; UBND quận về tham mưu công tác thu, nộp quỹ PCTT trên địa bàn quận Ba Đình. Phòng Tài chính-Kế hoạch báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. Kết quả thực hiện

Ngày 06/3/2020, phòng Tài chính-Kế hoạch có văn bản số 200/TCKH về việc đề nghị các phòng, ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp, UBND các phường, các trường trên địa bàn quận xây dựng kế hoạch thu, nộp quỹ Phòng, chống thiên tai gửi về phòng Tài chính-Kế hoạch để tổng hợp Kế hoạch thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai quận Ba Đình năm 2020 gửi Quỹ Phòng, chống thiên tai thành phố.

Ngày 20/3/2020, phòng Tài chính-Kế hoạch tham mưu UBND quận ban hành Văn bản số 404/UBND-TCKH về việc báo cáo Quỹ Phòng, chống thiên tai thành phố số liệu Kế hoạch Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2020 trên địa bàn quận Ba Đình.

Ngày 29/10/2020, phòng Tài chính-Kế hoạch tham mưu UBND quận ban hành Văn bản số 1914/UBND-TCKH về việc đôn đốc các đơn vị thực hiện thu, nộp Quỹ, Phòng chống thiên tai năm 2020.

Tổng số thu Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2020 các đơn vị đã nộp vào tài khoản Quỹ Phòng, chống thiên tai của quận như sau:

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU QUẬN GIAO			CHỈ TIÊU THÀNH PHỐ GIAO		
Số giao	Số nộp	Tỷ lệ %	Số giao	Đã nộp	Tỷ lệ %
1.047.895.000	945.479.795	90,2	1.005.406.540	939.695.260	93,4

(Số liệu chi tiết theo phụ lục đính kèm)

II. Khó khăn vướng mắc

Một số đơn vị chưa thực hiện thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai theo đúng tiến độ tại Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 20/3/2018 của UBND quận.

Các đơn vị khi nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai vào tài khoản Quỹ chưa ghi rõ thông tin trên giấy nộp tiền và chuyển 01 liên về phòng Tài chính-Kế hoạch để tổng hợp, Kho bạc Nhà nước quận Ba Đình chưa kiểm soát chặt chẽ việc nộp quỹ của các đơn vị. Do vậy, gặp khó khăn trong công tác tổng hợp và theo dõi tiến độ thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai.

Trạm Y tế phường chưa thực hiện thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai theo kế hoạch giao.

Hàng năm, một số đơn vị chưa gửi kế hoạch thu quỹ cụ thể của đơn vị về phòng Tài chính-Kế hoạch để tổng hợp, nên gây khó khăn cho phòng Tài chính-Kế hoạch trong việc xác định số thu quỹ toàn quận.

Qua tổng hợp theo dõi một số phường vướng mắc trong công tác phối hợp cung cấp danh sách đối tượng nộp Quỹ phòng chống thiên tai tại địa bàn khu dân cư (người lao động khác có mức đóng 15.000 đồng/người/năm).

Trong công tác thu đối với các tổ chức kinh tế hạch toán độc lập, chưa xác định được giá trị tài sản hiện có theo báo cáo tài chính hàng năm để xác định được số phải thu Quỹ.

Còn một số phường chưa xác định được đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng Quỹ để cung cấp số liệu gửi phòng Tài chính-Kế hoạch tổng hợp.

III. Đề xuất

Xác định nhiệm vụ thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai là nhiệm vụ chính trị của quận, để việc thu, nộp Quỹ đúng quy định kính đề nghị UBND quận chỉ đạo các đơn vị:

- Thực hiện thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai vào Tài khoản Quỹ Phòng, chống thiên tai của UBND quận theo đúng tiến độ tại Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 20/3/2018.

- Lập danh sách cán bộ, công chức đóng góp Quỹ về phòng Tài chính-Kế hoạch trong Quý 4 hàng năm để tổng hợp kế hoạch thu quỹ năm tiếp theo.

- Tổng hợp số phải thu Quỹ phòng, chống thiên tai năm 2021 của đơn vị, gửi về phòng Tài chính-Kế hoạch để tổng hợp báo cáo Kế hoạch thu Quỹ phòng, chống thiên tai toàn quận gửi Quỹ phòng, chống thiên tai Thành phố theo quy định.

- Khi nộp tiền Quỹ Phòng, chống thiên tai vào tài khoản quỹ của quận, các đơn vị chuyển 01 liên về phòng Tài chính-Kế hoạch để tổng hợp báo cáo UBND quận theo quy định.

- Trung tâm Y tế quận phối hợp đơn đốc Trạm Y tế 14 phường thực hiện thu, nộp Quỹ theo kế hoạch được giao.

Trên đây là tổng hợp báo cáo tiến độ thực hiện thu, nộp Quỹ Phòng chống thiên tai năm 2020 của phòng Tài chính-Kế hoạch./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Chủ tịch UBND quận;
- Đ/c Nguyễn Trung Dũng-PCT UBND quận;
(để báo cáo)
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các phường;
- Các trường: MN, TH, THCS trên địa bàn;
- Lưu TCKH.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Lê Thị Định

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ NỘP QUÝ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2020
 Kèm theo Báo cáo số 364 /TCKH ngày 19/4/2021 của phòng Tài chính-Kế hoạch
 Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị	Số đã nộp 2019	Số giao thu Quý PCTT năm 2020	Số đã nộp 2020	Số nộp Quý PCTT thành phố
I	Năm 2019 chuyển sang			6.970.000	
II	CÁC ĐƠN VỊ BẢNG, CƠ QUAN QLNN	547.630.333	51.349.000	254.537.442	
1	VP.HBND và UBND quận	8.373.000	6.884.000	6.272.000	
2	Phòng Tài nguyên Môi trường	6.970.000	2.077.000		
3	Phòng Quản lý Đô thị	3.300.000	2.402.000	2.410.000	
4	Phòng Tư pháp	1.312.000	1.395.000	1.395.000	
5	Phòng Thanh tra	1.625.000	1.993.000	2.000.000	
6	Phòng Văn hóa và thông tin	1.085.000	1.330.000	1.330.000	
7	Phòng Kinh tế		1.698.000	3.151.000	
8	Phòng Nội vụ	3.985.000	1.800.000	1.800.000	
9	Phòng Lao động TB&XH	2.000.000	2.042.000	2.065.000	
10	Phòng Giáo dục Đào tạo	4.200.000	4.014.000	4.014.000	
11	Phòng Y tế	1.911.310	1.634.000	1.650.000	
12	Phòng Tài chính-Kế hoạch	2.702.818	2.871.000	3.526.000	
13	Đội Thanh tra xây dựng	20.950.000	9.242.000	9.264.000	
14	Hội Chữ thập đỏ	484.200	609.000	730.000	
15	Hội người mù		617.000	618.000	
16	Hội Người cao tuổi	396.700	380.000		
17	Hội Cựu TNXP		221.000		
18	Cơ quan Quận ủy		9.083.000		
19	Trung tâm BDCT	962.000	1.057.000	1.060.000	
20	Công an quận	256.048.470			
21	Ban chỉ huy Quân sự quận				
22				6.047.991	
24				13.530.000	
25				1.300.000	
28				6.100.000	
29				14.288.625	
30	Số tiền đã nộp vào TK Quý PCTT của quận nhưng không ghi rõ tên đơn vị			3.718.000	
31				380.000	
32				10.600.000	
33				27.910.000	
34				25.960.000	
				2.077.000	
36		3.424.000		9.417.726	
37				91.923.100	
38	Bộ tham mưu, Bộ Tư lệnh công binh	139.253.640			
39	Bộ tham mưu Tổng cục kỹ thuật	67.795.877			

TT	Đơn vị	Số đã nộp 2019	Số giao thu Quý PCTT năm 2020	Số đã nộp 2020	Số nộp Quý PCTT thành phố
40	Cục Kỹ thuật Bộ Tư lệnh công binh	20.851.318			
III	CÁC ĐƠN VỊ SỬ DỤNG	453.766.270	528.919.000	465.055.274	
1	Trường MN Tuổi Hoa	8.214.000	10.056.000	8.852.000	
2	Trường MG Số 2	4.296.000	3.719.000		
3	Trường MG Số 10	8.836.713	9.928.000	9.533.779	
4	Trường MN Sơn ca	2.800.000	3.396.000		
5	Trường MG Số 9	6.184.000	7.336.000	6.382.000	
6	Trường MG Số 5	7.093.000	7.535.000	7.020.535	
7	Trường MG Số 6		5.303.000		
8	Trường MN Chim non	3.820.000	4.486.000	4.067.000	
9	Trường MN Sao Mai		7.263.000	14.037.000	
10	Trường MN Hoa Mai	4.057.000	3.890.000	3.667.000	
11	Trường MN Hoa Hồng	4.357.000	4.061.000	4.061.000	
12	Nhà trẻ Thành Công	13.657.410	14.640.000		
13	Trường MNI/6	5.585.000	5.986.000	5.986.430	
14	Trường MNSố 7	4.719.000	5.050.000	5.066.000	
15	Trường MN Hoa Đào	4.946.230	5.302.000	4.830.000	
16	Trường MG Số 3	6.017.500	6.754.000	6.753.890	
17	Trường MN Hoa Hướng Dương		6.457.000	6.881.000	
18	Trường MN Hòa Mỹ	12.458.600	12.651.000	12.651.000	
19	Trường Mầm non A	8.725.000	8.763.000	8.667.000	
20	Trường MG Số 8	1.145.000	4.968.000	4.909.000	
21	Trường MG Tuổi Thơ	13.159.705	14.713.000	15.526.000	
22	Trường TH Thành Công B	26.425.000	14.922.000	15.187.000	
23	Trường Tiểu học N. Bà Ngọc	3.944.000	4.557.000	4.557.000	
24	Trường Tiểu học Văn Phúc	5.276.000	5.116.000		
25	Trường Tiểu học Nghĩa Dũng	5.670.000	6.078.000	6.078.000	
26	Trường Tiểu học Ngọc Hà	6.184.000	6.617.000	6.177.000	
27	Trường Tiểu học Hoàng Diệu	10.534.280	12.636.000	12.640.000	
28	Trường Tiểu học Kim Đồng	13.738.840	15.981.000	15.981.380	
29	Trường TH Hoàng Hoa Thám	8.865.000	9.495.000	8.130.275	
30	Trường Tiểu học Thủ Lệ	6.763.000	7.276.000	7.259.000	
31	Trường TH Nguyễn Tri Phương	8.487.248	8.922.000	8.923.000	
32	Trường TH Thành Công A	9.475.605	10.743.000	10.488.872	
33	Trường TH Ng. Trung Trực		7.581.000		
34	Trường Tiểu học Đại Yên	7.170.820	9.296.000	15.847.000	
35	Trường Tiểu học Ngọc Khánh	9.441.738	11.633.000	11.700.000	
36	Trường TH Việt Nam - Cu Ba	9.973.641	10.217.000	10.220.184	
37	Trường TH Phan Chu Trinh	5.119.800	9.976.000	9.976.000	
38	Trường Tiểu học Ba Đình	7.734.000	8.562.000	8.565.158	
39	Trường THCS Thống Nhất	8.174.682	7.228.000	7.228.000	
40	Trường THCS Ng. Công Trứ		12.891.000		
41	Trường THCS Giảng Võ	78.054.425	27.910.000		
42	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	7.166.154	6.368.000	14.498.275	
43	Trường THCS Ba Đình	13.220.000	14.143.000	14.143.000	
44	Trường THCS Phan Chu Trinh	11.470.230	13.335.000	12.041.000	
45	Trường THCS Nguyễn Trãi	7.028.369	7.417.000	9.946.000	
46	Trường THCS Phúc Xá		5.400.000		
47	Trường THCS Thăng Long	14.306.097	18.399.000	18.659.000	
48	Trường THCS Mạc Đĩnh Chi		5.734.000	5.734.000	

TT	Đơn vị	Số đã nộp 2019	Số giao thu Quý PCTT năm 2020	Số đã nộp 2020	Số nộp Quý PCTT thành phố
49	Trường THCS Thanh Công		12.891.000	12.564.000	
50	Trường THCS Ng Trí Phương		8.520.000	10.128.000	
51	Chi cục Thống kê	1.180.000	1.352.000	1.352.000	
52	Chi cục thuế	33.719.000	33.617.000	34.451.000	
53	Trung tâm GDTX		7.689.000	7.689.000	
54	Trường TTTN 10-10		1.870.000		
55	Trung tâm VHTT và thể thao		6.347.000		
56	Trung tâm Y tế Dân số		3.294.000		
57	BQL dự án DTXD		9.092.000	25.600.000	
58	BQL chợ Long Biên	6.400.000	4.306.000		
59	BQL chợ số 2	3.303.000	5.189.000	5.273.774	
60	BQL chợ số 3	4.870.183	4.062.000	5.127.722	
IV	CÁC ĐOÀN THỂ	1.188.300	3.887.000	1.610.000	
1	Ủy ban MTTQ quận	1.188.300	1.228.000	1.610.000	
2	Hội Phụ nữ		1.268.000		
3	Quận đoàn		711.000		
4	Hội Cựu chiến binh		680.000		
V	UBND CÁC PHƯỜNG	165.712.809	53.982.000	224.277.079	
1	Phường Phúc Xá	47.414.000	4.575.000		
2	Phường Đội Cấn	4.265.000	4.049.000	4.117.000	
3	Phường Thành Công	-	4.448.000	27.006.000	
4	Phường Liễu Giai	330.000	2.595.000		
5	Phường Kim Mã	25.900.000	3.924.000	17.486.400	
6	Phường N.T Trục		3.720.000	26.203.000	
7	Phường Điện Biên	4.265.000	3.558.000	13.730.000	
8	Phường Giảng Võ		3.610.000	23.328.500	
9	Phường Công Vị	2.650.000	4.104.000	28.407.000	
10	Phường Trúc Bạch	3.742.258	4.048.000	12.338.179	
11	Phường Ngọc Hà	29.000.000	4.195.000	26.654.000	
12	Phường Vĩnh Phúc	35.300.551	3.621.000	31.085.000	
13	Phường Ngọc Khánh		3.790.000	7.162.000	
14	Phường Quận Thanh	12.846.000	3.745.000	6.760.000	
VI	TRĂM Y TẾ PHƯỜNG		14.673.000	-	
1	Trăm Y tế phường Phúc Xá		1.000.000		
2	Trăm Y tế phường Đội Cấn		1.000.000		
3	Trăm Y tế phường Thành Công		1.000.000		
4	Trăm Y tế phường Liễu Giai		721.000		
5	Trăm Y tế phường Kim Mã		1.000.000		
6	Trăm Y tế phường N.T Trục		867.000		
7	Trăm Y tế phường Điện Biên		1.000.000		
8	Trăm Y tế phường Giảng Võ		1.000.000		
9	Trăm Y tế phường Công Vị		1.407.000		
10	Trăm Y tế phường Trúc Bạch		1.024.000		
11	Trăm Y tế phường Ngọc Hà		1.315.000		
12	Trăm Y tế phường Vĩnh Phúc		1.315.000		
13	Trăm Y tế phường Ngọc Khánh		1.000.000		
14	Trăm Y tế phường Quận Thanh		1.024.000		
VII	CÁN BỘ KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG TỰ NSNN ĐƯỢC HƯỞNG PHỤ CẤP		5.457.000	-	
1	Phường Phúc Xá	1.829.000	713.000		

TT	Đơn vị	Số đã nộp 2019	Số giao thu Quỹ PCTT năm 2020	Số đã nộp 2020	Số nộp Quỹ PCTT thành phố
2	Phường Đội Cấn		285.000		
3	Phường Thành Công		941.000		
4	Phường Liễu Giai		143.000		
5	Phường Kim Mã		285.000		
6	Phường N.T Trục		380.000		
7	Phường Điện Biên		380.000		
8	Phường Giảng Võ		380.000		
9	Phường Cống Vị		140.000		
10	Phường Trúc Bạch	930.000	380.000		
11	Phường Ngọc Hà		385.000		
12	Phường Vĩnh Phúc	420.000	285.000		
13	Phường Ngọc Khánh		380.000		
14	Phường Quán Thánh	240.000	380.000		
VIII	NGƯỜI TRONG ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG TẠI PHƯỜNG	92.558.000	389.628.000	-	
1	Phường Phúc Xá		41.923.000		
2	Phường Đội Cấn	28.275.000	24.553.000		
3	Phường Thành Công		38.062.000		
4	Phường Liễu Giai		41.866.000		
5	Phường Kim Mã		21.973.000		
6	Phường N.T Trục		20.064.000		
7	Phường Điện Biên		24.553.000		
8	Phường Giảng Võ	9.538.000	25.000.000		
9	Phường Cống Vị	42.900.000	53.423.000		
10	Phường Trúc Bạch	11.845.000	9.975.000		
11	Phường Ngọc Hà		28.500.000		
12	Phường Vĩnh Phúc		24.553.000		
13	Phường Ngọc Khánh		16.658.000		
14	Phường Quán Thánh		18.525.000		
	TỔNG CỘNG: I-VIII	1.260.855.712	1.047.895.000	952.449.795	939.695.260
	TỒN CHUYỂN 2021			12.754.535	

- Do một số trường hợp nộp Quỹ PCTT nhưng không ghi rõ tên đơn vị nộp nên phòng Tài chính-Kế hoạch đã tổng hợp vào danh sách đơn vị không rõ tên

